

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018-2019

Khoa: Công nghệ Thông tin

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Cao đẳng														
Ngành: Công nghệ phần mềm														
1	16CĐ-TP1	51	3	0	0,00	0	0,00	3	5,88	47	92,16	1	1,96	
CỘNG 01 Lớp		51	3	0	0,00	0	0,00	3	5,88	47	92,16	1	1,96	
Ngành: Mạng máy tính, Quản trị mạng máy tính														
1	16CĐ-TM1	31	1	0	0,00	0	0,00	1	3,23	30	96,77	0	0,00	
2	16CĐ-TM2	32	3	0	0,00	0	0,00	0	0,00	32	100,00	0	0,00	
3	17C1-QTM1	27	4	0	0,00	0	0,00	2	7,41	24	88,89	1	3,70	
4	18C1-QTM1	40	4	1	2,50	1	2,50	7	17,50	31	77,50	0	0,00	
5	18C2-QTM1	43	2	0	0,00	5	11,63	15	34,88	13	30,23	10	23,26	
CỘNG 05 Lớp		173	14	1	0,58	6	3,47	25	14,45	130	75,14	11	6,36	
Ngành: An ninh mạng														
1	17C1-ANM1	16		0	0,00	0	0,00	3	18,75	12	75,00	1	6,25	
CỘNG 01 Lớp		16	0	0	0,00	0	0,00	3	18,75	12	75,00	1	6,25	
Ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính														
1	17C1-CMT1	50	1	0	0,00	0	0,00	0	0,00	47	94,00	3	6,00	
2	18C1-CMT1	22		1	4,55	1	4,55	6	27,27	8	36,36	6	27,27	
3	18C1-CMT2	24		1	4,17	1	4,17	7	29,17	15	62,50	0	0,00	
CỘNG 03 Lớp		96	1	2	2,08	2	2,08	13	13,54	70	72,92	9	9,38	
Ngành: Công nghệ Web_Thiết kế Web														
1	16CĐ-TW1	45	4	0	0,00	0	0,00	8	17,78	37	82,22	0	0,00	
2	17C1-TKW1	16	1	0	0,00	0	0,00	1	6,25	14	87,50	1	6,25	
CỘNG 02 Lớp		61	5	0	0,00	0	0,00	9	14,75	51	83,61	1	1,64	

S TT	LỚP	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Tin học ứng dụng														
1	17C1-THU1	19	1	0	0,00	0	0,00	2	10,53	17	89,47	0	0,00	
2	18C1-THU1	27	2	1	3,70	1	3,70	11	40,74	14	51,85	0	0,00	
CỘNG 02 Lớp		46	3	1	2,17	1	2,17	13	28,26	31	67,39	0	0,00	
Ngành: Thiết kế đồ họa														
1	18C1-TKĐ1	53	7	1	1,89	6	11,32	11	20,75	35	66,04	0	0,00	
CỘNG 01 Lớp		53	7	1	1,89	6	11,32	11	20,75	35	66,04	0	0,00	
Ngành: Thương mại điện tử														
1	18C1-TMĐ1	14	2	0	0,00	2	14,29	0	0,00	12	85,71	0	0,00	
CỘNG 01 Lớp		14	2	0	0,00	2	14,29	0	0,00	12	85,71	0	0,00	
Ngành: Lập trình máy tính														
1	17C1-LTM1	20	1	0	0,00	0	0,00	6	30,00	14	70,00	0	0,00	
2	17C1-LTM2	29	3	0	0,00	0	0,00	4	13,79	24	82,76	1	3,45	
3	18C1-LTM1	42	2	2	4,76	2	4,76	12	28,57	22	52,38	4	9,52	
4	18C1-LTM2	34		0	0,00	4	11,76	7	20,59	23	67,65	0	0,00	
CỘNG 04 Lớp		125	6	2	1,60	6	4,80	29	23,20	83	66,40	5	4,00	
Trung cấp														
Ngành: Quản trị mạng máy tính														
1	16TC-QTM	19	1	0	0,00	0	0,00	2	10,53	17	89,47	0	0,00	
2	16TCN-QTM1	41	2	0	0,00	0	0,00	1	2,44	39	95,12	1	2,44	01 BLKQ
3	17T4-QTM1	43	3	0	0,00	0	0,00	4	9,30	35	81,40	4	9,30	
4	18T4-QTM1	49	1	0	0,00	0	0,00	0	0,00	38	77,55	11	22,45	
CỘNG 04 Lớp		152	7	0	0,00	0	0,00	7	4,61	129	84,87	16	10,53	
Ngành: Lập trình máy tính														
1	17T4-LTM1	31	2	0	0,00	0	0,00	2	6,45	28	90,32	1	3,23	
2	18T4-LTM1	36	1	0	0,00	4	11,11	3	8,33	29	80,56	0	0,00	01 BLKQ
3	18T4-LTM2	33	4	0	0,00	0	0,00	5	15,15	16	48,48	12	36,36	
CỘNG 03 Lớp		100	7	0	0,00	4	4,00	10	10,00	73	73,00	13	13,00	
Ngành: An ninh mạng														
1	18T4-ANM1	38	4	3	7,89	5	13,16	13	34,21	17	44,74	0	0,00	
CỘNG 02 Lớp		38	4	3	7,89	5	13,16	13	34,21	17	44,74	0	0,00	

S TT	LỚP	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính														
1	17T4-CMT1	20		0	0,00	0	0,00	1	5,00	18	90,00	1	5,00	
2	18T4-CMT1	28		0	0,00	0	0,00	6	21,43	22	78,57	0	0,00	
3	18T4-CMT2	25		0	0,00	1	4,00	6	24,00	18	72,00	0	0,00	
CỘNG 03 Lớp		73	0	0	0,00	1	1,37	13	17,81	58	79,45	1	1,37	
Ngành: Thiết kế trang Web														
1	17T4-TKW1	21		0	0,00	0	0,00	1	4,76	18	85,71	2	9,52	
2	18T4-TKW1	34	6	0	0,00	0	0,00	3	8,82	29	85,29	2	5,88	
CỘNG 02 Lớp		55	6	0	0,00	0	0,00	4	7,27	47	85,45	4	7,27	
Ngành: Tin học ứng dụng														
1	17T4-THU1	48	14	0	0,00	1	2,08	3	6,25	41	85,42	3	6,25	
2	18T4-THU1	30	7	0	0,00	1	3,33	0	0,00	26	86,67	3	10,00	
3	18T4-THU2	24	4	0	0,00	4	16,67	4	16,67	14	58,33	2	8,33	
CỘNG 03 Lớp		102	25	0	0,00	6	5,88	7	6,86	81	79,41	8	7,84	
Ngành: Thiết kế đồ họa														
1	18T4-TKĐ1	42	12	0	0,00	3	7,14	10	23,81	26	61,90	3	7,14	
2	18T4-TKĐ2	35	10	0	0,00	1	2,86	6	17,14	25	71,43	3	8,57	
CỘNG 02 Lớp		77	22	0	0,00	4	5,19	16	20,78	51	66,23	6	7,79	
TỔNG CỘNG (38 LỚP)		1087	84	7	0,64	32	2,94	144	13,25	835	76,82	69	6,35	

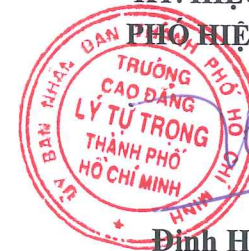
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV


Lê Xuân Thiện

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh

